TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS- ST
Ngày: 10/5/2023
V/v : Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hạnh
2. Ông Lê Văn Tú

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2022/TLST - DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về "Yêu cầu Bồi thường thiệt hại về tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/QĐXX- ST ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn G, sinh năm 1992
HKTT: Phố 03, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Hoàng Ngọc Dương, sinh năm 1963
HKTT: Số 01/02 N, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965
HKTT: Phố 03, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh G, bà L;
Ông D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn G trình bày*:**

Ngày 6/7/2022, ông Hoàng Ngọc D có dẫn theo một số người gồm 10 người đến phá dỡ tài sản nhà anh tại thửa đất số 709, tờ bản đồ số 01 địa chỉ: Phố 3,

phường Q, thành phố H do UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 30/6/1993 mang tên bố anh là ông Phạm Văn D.

Anh G đã gọi Công an 113 và Công an phường Q, thành phố H đến giải quyết và lập biên bản xong rồi về nhưng ông D vẫn cố tình thuê người và mang máy xúc vào phá dỡ tài sản.

Do đó, anh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa buộc ông Hoàng Ngọc D bồi thường thiệt hại vì đã xâm phạm đến tài sản của anh gồm: 01 căn nhà trị giá: 150.000.000đ; 01 sân gạch trị giá 3.000.000đ; 01 cây vú sữa trị giá 20.000.000đ; 01 cột bê tông và tường rào trị giá 10.000.000đ.

Tổng cộng 183.000.000đ (Một trăm tám mươi ba triệu đồng).

Tại bản tự khai, bị đơn là ông Hoàng Ngọc D trình bày:

Theo đơn khởi kiện thì anh Phạm Văn G khai ngày 6/7/2022, ông có dẫn theo một số người đến phá dỡ tài sản nhà anh G tại thửa đất số 709, tờ bản đồ số 01 địa chỉ: Phố 3, phường Q, thành phố H mang tên ông Phạm Văn D do UBND huyện Q cấp ngày 30/6/1993 và yêu cầu Ông bồi thường thiệt hại vì đã xâm phạm đến tài sản của anh gồm: 01 căn nhà trị giá: 150.000.000đ; 01 sân gạch trị giá 3.000.000đ; 01 cây vú sữa trị giá 20.000.000đ; 01 cột bê tông và tường rào trị giá 10.000.000đ. Tổng cộng 183.000.000đ. Ông D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này vì ông không liên quan gì đến thiệt hại tài sản nhà anh G cả.

Ông xin giao nộp cho Tòa án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 13, diện tích 81m^2, địa chỉ phố 3, phường Q, thành phố H mang tên ông Hoàng Ngọc D và vợ là bà Đỗ Thị H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận ngày 30/12/2021. Nguồn gốc thửa đất là do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Tr. Thửa đất này theo trích lục bản đồ phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa được tách ra từ thửa số 709, tờ bản đồ số 01 tại phố 3 phường Q, thành phố H.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Văn Tr, vợ chồng ông đã làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận số Đ229173 ngày 30/12/2021. Ông được biết thửa đất mà ông nhận chuyển nhượng của ông Tr trước đây có tranh chấp và đã được Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết buộc mẹ anh G là bà L phải giao lại diện tích đất này cho bà Nguyễn Thị B. Do bà L vẫn chưa tự nguyện thi hành án theo Quyết định của bản án nên ông đã phải đề nghị Công an phường Q, UBND phường Q, thành phố H bàn giao và cắm mốc giới diện tích đất này cho ông sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 709, tờ bản đồ số 01 mang tên ông Phạm Văn D do UBND huyện Q cấp ngày 30/6/1993 là của vợ chồng bà khai hoang và được nhà nước cấp giấy chứng nhận. Gia đình bà đã bán cho ông Đoàn Công L 50m^2 đất ở và 120m^2 đất vườn vào năm 2007, diện tích đất còn lại gia đình bà vẫn đang ở và sử

dụng. Ông D đã dẫn một số người đến phá dỡ tài sản nhà bà vì lý do ông D mua diện tích đất này của những người đã mua của bà Nguyễn Thị B (mẹ chồng bà) nhưng ông D lại đến phá dỡ tài sản trên phần diện tích đất đang thuộc quyền sở hữu của gia đình bà. Bà L khai không biết nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2011/DS-ST ngày 14/01/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa. Từ sau khi Tòa án tuyên bản án trên vào ngày 14/01/2011 cho đến nay gia đình bà vẫn ở trên thửa đất đó. Cơ quan thi hành án cũng không thông báo cho bà việc phải thi hành bản án, không buộc bà phải trả đất cho bà B mà mãi đến khi ông D dẫn người đến phá nhà bà, đưa bản án pho tô cho bà thì bà mới biết có bản án dân sự này. Bà cũng chưa nộp tiền án phí 12.150.000đ như bản án đã tuyên. Hiện nay thửa đất mà ông D đã phá tài sản trên đất vẫn đang để không, ông D cũng chưa xây dựng nhà cửa gì mà mới chỉ xây bức tường ngăn cách giữa phần đã phá với nhà bà. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông D phải bồi thường giá trị tài sản đã phá dỡ của nhà bà.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong phiên họp ngày 14/4/2023 không ký vào biên bả là chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70,71,73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 96; Khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Hoàng Ngọc D bồi thường thiệt hại vì đã xâm phạm đến tài sản của gia đình anh Phạm Văn G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng:

Bị đơn có địa chỉ tại địa bàn thành phố Thanh Hóa. Nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Do đó đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định

tại khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Anh Phạm Văn G khai ngày 6/7/2022, ông Hoàng Ngọc D có dẫn theo một số người đến phá dỡ tài sản nhà anh tại thửa đất số 709, tờ bản đồ số 01 địa chỉ: Phố 3, phường Q, thành phố H. Anh G yêu cầu ông D bồi thường thiệt hại giá trị tài sản gồm: 01 căn nhà trị giá: 150.000.000đ; 01 sân gạch trị giá 3.000.000đ; 01 cây vú sữa trị giá 20.000.000đ; 01 cột bê tông và tường rào trị giá 10.000.000đ. Tổng cộng 183.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu nguyên đơn giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông Hoàng Ngọc D đã phá dỡ tài sản thuộc quyền sở hữu của anh G hoặc gia đình anh G cùng Biên bản do Cơ quan có thẩm quyền lập về việc ông Hoàng Ngọc D có hành vi phá dỡ tài sản thuộc quyền sở hữu của anh G.

Anh G trình bày không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ như Thông báo của Tòa án.

Tòa án đã có Công văn đề nghị Công an phường Q, thành phố H cung cấp thông tin liên quan đến hành vi vi phạm của ông Hoàng Ngọc D như anh G đang khởi kiện.

Ngày 21/3/2023 Công an phường Quảng H có Công văn số 20/CAP trả lời Tòa án với nội dung:

1. Công an phường Q không tiếp nhận bất cứ báo cáo nào của anh Phạm Văn G ngày 06/7/2022 về việc ông Hoàng Ngọc D có dẫn theo khoảng 10 người đến phá dỡ tài sản của nhà anh tại thửa đất số 709, tờ bản đồ số 01 địa chỉ: Phố 3, phường Q, thành phố H mang tên ông Phạm Văn D do UBND huyện Q cấp ngày 30/6/1993.

2. Vào ngày 06/7/2022 UBND phường Q, thành phố H thành lập đoàn công tác xuống địa bàn, nội dung cắm mốc giới, bàn giao thửa đất số 353, tờ bản đồ số 13 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Hoàng Ngọc D, sinh năm 1963 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1967, diện tích 81m^2, đất ở đô thị. Để đảm bảo an ninh trật tự cho đoàn công tác UBND phường làm việc theo chức năng chuyên môn, UBND phường đã huy động lực lượng Công an phường Q đến hiện trường để hỗ trợ đảm bảo an ninh trật tự theo chức năng, nhiệm vụ để đoàn công tác UBND phường thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Tại thời điểm đoàn công tác UBND phường thực hiện nhiệm vụ chuyên môn không xảy ra vụ việc nào làm ảnh hưởng đến ANTT. Không có việc Công an phường Q, thành phố Thanh Hóa giải quyết và lập biên bản về việc ông Hoàng Ngọc D đến phá dỡ tài sản của nhà anh Phạm Văn G tại phố 3, phường Q, thành phố H.

Tòa án đã có Công văn đề nghị UBND phường Q cung cấp thông tin liên quan đến thửa đất số 353, tờ bản đồ số 13 địa chỉ phố 3, phường Q, thành phố

Thanh Hóa do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 30/12/2021 mang tên ông Hoàng Ngọc D và bà Đỗ Thị H.

Ngày 30/3/2023 UBND phường Q có công văn số 406/UBND-ĐCXD trả lời Tòa án với nội dung:

Nguồn gốc thửa đất là ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị H nhận tặng cho của mẹ là bà Nguyễn Thị B được Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2011/DS-ST ngày 14/01/2011 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất. Bà B đã được UBND thành phố cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BH 733315, thửa 709 tờ bản đồ số 01, diện tích 81m^2 ngày 10/11/2011.

Ngày 29/7/2020 ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị H chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông Phạm Duy Ph, bà Ngô Thị H.

Ngày 14/4/2021 ông Phạm Duy Ph, bà Ngô Thị H chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông Nguyễn Văn Tr. Ông Tr đã được Sở TNMT tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 636781 thửa số 353, tờ bản đồ số 13 diện tích 81m^2.

Ngày 28/11/2021 UBND phường hoàn tất thủ tục hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho ông Hoàng Ngọc D và bà Đỗ Thị H, địa chỉ thửa đất tại phố 3, phường Q, thành phố H. Nguồn gốc thửa đất là do ông D, bà H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Tr, đã được Văn phòng công chứng Lê Văn K công chứng ngày 09/11/2021, số 9109 quyển sô 11. Thửa đất ông Hoàng Ngọc D, bà Đỗ Thị H nhận chuyển nhượng được tách ra từ thửa đất số 709, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Phố 3, phường Q, thành phố H.

Tòa án đã có công văn đề nghị Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa cung cấp hồ sơ và thông tin liên quan đến việc thi hành bản án dân sự sơ thẩm số 01/2011/DS-ST ngày 14/01/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa đã cung cấp cho Tòa án hồ sơ thi hành bản án nêu trên, thể hiện:

Ngày 08/3/2011, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa đã ra Quyết định số 08DS/QĐ-THA thi hành án chủ động đối với khoản tiền án phí theo quyết định của bản án.

Ngày 06/6/2011, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa đã ra Thông báo số 71/TB-THA về việc cưỡng chế thi hành án.

Ngày 24/6/2013, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa đã ra Quyết định số 378/QĐ-CCTHA hoãn thi hành án.

Ngày 10/9/2015, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa đã ra Quyết định số 436/QĐ-CCTHA về việc chưa có điều kiện thi hành án.

Về việc bà Nguyễn Thị L khai không biết Tòa án xét xử, không biết Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2011/DS-ST ngày 14/01/2011 của Tòa án nhân dân thành phố

Thanh Hóa. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2011/DS-ST ngày 14/01/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa có nội dung *" Bị đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị thừa nhận đất hiện nay gia đình chị đang ở là của bố mẹ chồng cắt chia cho vợ chồng chị, đã được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSD đất năm 1994 đứng tên anh Phạm Văn D. Năm 2003 bà B đã bán toàn bộ nhà đất của bà chia tiền cho các người con trong đó có vợ chồng chị. Bà B có bàn với vợ chồng chị cắt cho bà một phần đất để bà làm nhà sau này sẽ cho anh chị nên vợ chồng chị đã đồng ý cắt đất cho bà B làm nhà. Năm 2007 bà B đòi xây tường ngăn nhưng vợ chồng chị không đồng ý, anh D đã phá tường không cho ngăn, bà B đã làm đơn ra UBND xã, đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay bà B kiện đòi chị phải trả cho bà diện tích đất 137m^2 chị không đồng ý bởi vợ chồng chị không mượn đất của bà B để bán. Chị thừa nhận khi bà B bán nhà vợ chồng chị có đến nhà ông M là người mua nhà nhận tiền giúp vài lần và đưa lại cho bà B".*

Tại phần quyết định của bản án đã tuyên: *"Buộc chị Nguyễn Thị L có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị B diện tích đất ở là 81m^2 có chiều rộng 4,05m, chiều dài 20m tại thôn 3, phường Q, thành phố Thanh Hóa phía đông và phía nam giáp nhà đất chị L, phía tây giáp đường đi, phía bắc giáp nhà ông L và giao Giấy CNQSD đất mang tên anh Phạm Văn D cho bà Nguyễn Thị B để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất ở là 81m^2. Bà Nguyễn Thị B được quyền sở hữu nhà trên diện tích đất ở là 81m^2, bà B có trách nhiệm xây bức ngăn phía sau giữa hai bên".*

Tại phiên tòa, bà L thừa nhận: Khi bà B khởi kiện bà đến Tòa án đòi đất, bà có đến Tòa án làm việc nhưng không tham gia phiên tòa vì không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B. Bà L cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông D bà đang cất giữ thì bà B không thể làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận để tặng cho con trai bà là ông Phạm Văn V được. Các thủ tục chuyển nhượng giữa ông V rồi chuyển sang tên những người khác là làm giả mạo, bà không chấp nhận.

Như vậy, việc bà Nguyễn Thị L khai không biết nội dung bản án dân sự trên là không có cơ sở.

Sau khi Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2011/DS-ST ngày 14/01/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa có hiệu lực pháp luật, bà B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã tặng cho vợ chồng con trai bà. Sau khị nhận tặng cho, ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị H chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông Phạm Duy Ph, bà Ngô Thị H. Ngày 14/4/2021 ông Phạm Duy Ph, bà Ngô Thị H chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông Nguyễn Văn Tr. Ông D, bà H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Tr và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận số Đ229173 ngày 30/12/2021.

Do bà Nguyễn Thị L không tự nguyện thi hành án, không bàn giao đất và tài sản trên đất cho bà B theo quyết định của bản án nên UBND phường Q, thành phố Thanh Hóa đã phải thành lập đoàn công tác xuống địa bàn để cắm mốc giới, bàn giao thửa đất số 353, tờ bản đồ số 13 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh

Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Hoàng Ngọc D và bà Đỗ Thị H.

Bà L và anh G cũng thừa nhận hiện nay ông D đã xây tường ngăn cách giữa phần đất nhà bà với phần diện tích mà ông D đã phá dỡ tài sản nhưng bà L và anh G không khiếu nại gì về việc ông D chiếm dụng thửa đất này.

Công an phường Q cũng đã trả lời "Không có việc Công an phường Q, thành phố H giải quyết và lập biên bản về việc ông Hoàng Ngọc D đến phá dỡ tài sản của nhà anh Phạm Văn G tại phố 3, phường Q, thành phố H".

Từ phân tích trên, không có căn cứ về việc ông Hoàng Ngọc D phá dỡ tài sản của gia đình anh Phạm Văn G. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Hoàng Ngọc D bồi thường thiệt hại có giá trị 183.000.000đ vì đã xâm phạm đến tài sản của anh Phạm Văn G.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 96; Khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Hoàng Ngọc D bồi thường thiệt hại tổng cộng 183.000.000đ vì đã xâm phạm đến tài sản của anh Phạm Văn G.

Về án phí: Anh Phạm Văn G phải chịu 9.150.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002384 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Anh G còn phải nộp tiếp số tiền 4.575.000đ *(Bốn triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)*.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- Các đương sự;

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS - TP H;
- Lưu hồ sơ .

Đã ký

Trương Thị Anh